

BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP MỘT NĂM HỌC 2025-2026 (dự kiến)
(kèm theo Quyết định số 5529 /QĐ-UBND, ngày 23 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Thủ Đức)

TT	Tên trường Tiểu học	Địa bàn tuyển sinh					Ghi chú
		Phường	Khu phố	Số trẻ	Số lớp	SS HS/ lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	An Bình	An Phú	Có kế hoạch tuyển sinh riêng	245	7	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
2	Nguyễn Thị Tư	Thảo Điền	Có kế hoạch tuyển sinh riêng	105	3	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
3	Lê Văn Việt	Tăng Nhơn Phú A	Có kế hoạch tuyển sinh riêng	210	6	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
4	Linh Chiểu	Linh Chiểu	Có kế hoạch tuyển sinh riêng	210	6	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
3	An Khánh	An Lợi Đông	Cả phường An Lợi Đông	468	11	43	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Thủ Thiêm	Cả phường Thủ Thiêm				
		An Khánh	Khu phố 1,2,4 và từ Khu phố 8 đến Khu phố 15				
		An Phú	Khu phố 24,25 và 26				
4	An Phú	An Phú	Từ Khu phố 11 đến Khu phố 14 và Khu phố 18 đến Khu phố 23	287	7	41	
5	Nguyễn Hiền	An Phú	Từ Khu phố 1 đến Khu phố 10	487	11	44	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		An Khánh	Từ Khu phố 5 đến Khu phố 7				
6	Bình Trưng Đông	Bình Trưng Đông	Từ Khu phố 1 đến Khu phố 4 và Khu phố 12 đến Khu phố 15	412	10	41	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
7	Nguyễn Văn Trỗi	Bình Trưng Đông	Từ Khu phố 5 đến Khu phố 11	525	11	48	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Phú Hữu	Khu phố 12, 13 và 14				
8	Giồng Ông Tố	Bình Trưng Tây	Khu phố 1,2,3,4,6 và từ Khu phố 9 đến Khu phố 15	425	10	43	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
9	Huỳnh Văn Ngôi	Thảo Điền	Cả phường Thảo Điền	392	9	44	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		An Phú	Khu phố 15,16 và 17				
		An Khánh	Khu phố 3				
10	Lương Thế Vinh 1	Thanh Mỹ Lợi	Từ Khu phố 1 đến Khu phố 7 và Khu phố 10	358	8	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Bình Trưng Tây	Khu phố 16,17				
11	Thanh Mỹ Lợi	Thanh Mỹ Lợi	Khu phố 8,9,11,12	395	9	44	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Cát Lái	Từ Khu phố 1 đến Khu phố 5				
		Bình Trưng Tây	Khu phố 5,7,8				
12	Mỹ Thảo	Thanh Mỹ Lợi	Khu phố 13,14	204	7	42	Trường Chuẩn quốc gia

TT	Tên trường Tiểu học	Địa bàn tuyển sinh					Ghi chú
		Phường	Khu phố	Số trẻ	Số lớp	SS HS/ lớp	
12	Nguyễn Huệ	Cát Lái	Từ khu phố 6 đến khu phố 11	257	6	72	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
13	Hiệp Phú	Hiệp Phú	Khu phố 4,5,6; Khu phố 11 đến Khu phố 15	483	11	45	
		Tăng Nhơn Phú A	Khu phố 1,2,3 và 4; khu phố 8				
		Tăng Nhơn Phú B	Khu phố 1 và 2				
14	Đinh Tiên Hoàng	Hiệp Phú	Khu phố 1,2; Khu phố 7 đến Khu phố 10	425	10	42	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Tăng Nhơn Phú B	Khu phố 11, 12, 13 và 14				
15	Long Thạnh Mỹ	Long Thạnh Mỹ	Khu phố 5, 6, 7, 8, 14 và 15.	255	6	40	
16	Nguyễn Minh Quang	Long Thạnh Mỹ	Khu phố 1, 2, 3, 4, 16 và 17.	493	12	40	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Long Bình	Khu phố 7				
		Tân Phú	Từ khu phố 1 đến khu phố 14; khu phố 22 và 23				
17	Long Phước	Long Phước	Cả phường Long Phước	217	5	40	
18	Long Bình	Long Bình	Khu phố 11 đến khu phố 29; khu phố Phước Thiện	804	18	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Long Thạnh Mỹ	Khu phố 9 đến khu phố 13; khu phố 18 đến khu phố 26				
19	Tạ Uyên	Long Bình	Khu phố 1 đến khu phố 6; khu phố 8, 9 và 10	278	7	40	
20	Phước Thạnh	Long Trường	Khu phố 5 đến khu phố 18; khu phố Tam Đa	463	12	40	
		Trường Thạnh	Khu phố 9 và 10				
21	Phú Hữu	Phú Hữu	Cả phường Phú Hữu (trừ khu phố 12, 13, 14)	482	12	40	
22	Bùi Văn Mới	Phước Long A	Khu phố 5 đến khu phố 13	215	5	40	
23	Phạm Văn Chính	Phước Long A	Khu phố 1, 2, 3, 4 và khu phố 14, 15	242	6	40	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Phước Long B	Khu phố 1 và 2				
24	Võ Văn Hát	Phước Long B	Khu phố 3 đến khu phố 16	408	10	40	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
25	Nguyễn Văn Bá	Phước Long B	Từ Khu phố 17 đến khu phố 25	245	6	40	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
26	Trần Thị Bưởi	Phước Long B	Từ Khu phố 26 đến khu phố 37	519	13	40	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
27	Phước Bình	Phước Bình	Cả phường Phước Bình	368	9	40	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
28	Trương Văn Thành	Tăng Nhơn Phú A	Khu phố 5, 6, 7 và khu phố 9 đến khu phố 26	452	11	40	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
30	Phong Phú	Tăng Nhơn Phú B	Khu phố 3 đến khu phố 10 và khu phố 15 đến khu phố 22	423	11	40	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
31	Trường Thạnh	Trường Thạnh	Từ khu phố 1 đến khu phố 8; khu phố 11, 12 và 13	556	12	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Long Trường	Khu phố 1, 2, 3 và 4.				
32	Tân Phú	Tân Phú	Từ khu phố 15 đến khu phố 21	446	11	40	
33	Hoàng Diệu	Linh Trung	Từ Khu phố 6 đến khu phố 13; khu phố 16	304	8	38	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp

TT	Tên trường Tiểu học	Địa bàn tuyển sinh					Ghi chú
		Phường	Khu phố	Số trẻ	Số lớp	SS HS/ lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8
34	Đỗ Tấn Phong	Linh Trung	Khu phố 14, 15; từ khu phố 17 đến khu phố 23.	251	6	42	
35	Nguyễn Văn Triết	Linh Trung	Từ Khu phố 1 đến khu phố 5.	405	9	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Linh Tây	Khu phố 1, 2.				
		Linh Chiêu	Khu phố 1, 8, 11.				
36	Bình Triệu	Hiệp Bình Chánh	Từ Khu phố 1 đến khu phố 19 và từ khu phố 36 đến khu phố 44.	658	15	44	
37	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Chánh	Khu phố 26, 28, 29, 30 và từ khu phố 31 đến khu phố 35.	254	6	42	
38	Hiệp Bình Phước	Hiệp Bình Phước	Khu phố 13, 14, 15, 16, 18; khu phố 20, 23, 24	173	4	43	
39	Đặng Thị Rành	Hiệp Bình Phước	Từ khu phố 1 đến khu phố 12	384	9	43	
40	Đào Sơn Tây	Hiệp Bình Phước	Khu phố 17; khu phố 19, 21, 22; từ khu phố 25 đến khu phố 34.	675	14	48	
		Hiệp Bình Chánh	Từ khu phố 20 đến khu phố 25 và khu phố 27.				
41	Đặng Văn Bất	Linh Đông	khu phố 1, 2, 3 và 7	257	7	37	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Tam Phú	Khu phố 11 và 12				
42	Bình Quới	Linh Đông	Từ khu phố 8 đến khu phố 13	231	6	39	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
43	Linh Đông	Linh Đông	Khu phố 4, 5, 6; từ khu phố 14 đến khu phố 19	187	5	37	
44	Trương Văn Hải	Tam Phú	Khu phố 3, 4, 5, 6 và khu phố 10	445	10	45	
		Tam Bình	Từ Khu phố 1 đến khu phố 3				
45	Thái Văn Lung	Tam Phú	Khu phố 1, 2; khu phố 7, 8, 9 và khu phố 13.	187	5	37	
46	Xuân Hiệp	Linh Xuân	Khu phố 1; từ khu phố 16 đến khu phố 27.	359	9	40	
47	Nguyễn Văn Nở	Linh Xuân	Khu phố 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10.	374	8	47	
48	Nguyễn Văn Lịch	Linh Xuân	Khu phố 7; từ khu phố 11 đến khu phố 15.	154	4	39	
49	Lương Thế Vinh	Bình Thọ	Khu phố 1; từ khu phố 4 đến khu phố 8	513	12	43	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Trường Thọ	Khu phố 3, 4, 7, 11, 12 và 13				
50	Từ Đức	Bình Thọ	Khu phố 2, 3.	322	8	40	
		Trường Thọ	Khu phố 14 và 15				
		Linh Chiêu	Khu phố 9, 10, 12, 13.				
51	Bình Chiêu	Bình Chiêu	Khu phố 1,2,3,4; Khu phố 20,21,22; từ khu phố 25 đến Khu phố 29	465	10	47	
52	Trần Văn Vân	Bình Chiêu	Từ khu phố 30 đến khu phố 38	336	8	42	
53	Nguyễn Văn Tây	Bình Chiêu	Từ khu phố 5 đến Khu phố 19; khu phố 23, 24.	566	14	40	
54	Nguyễn Trung Trực	Linh Chiêu	Từ khu phố 2 đến khu phố 7	372	9	41	
		Trường Thọ	Khu phố 1, 2, 5 và 6				

TT	Tên trường Tiểu học	Địa bàn tuyển sinh					Ghi chú
		Phường	Khu phố	Số trẻ	Số lớp	SS HS/ lớp	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
		Linh Tây	Khu phố 11, 12, 13				
55	Nguyễn Văn Banh	Trường Thọ	Khu phố 8, 9, 10 và từ khu phố 16 đến khu phố 25	292	8	37	
56	Tam Bình	Tam Bình	Từ Khu phố 4 đến khu phố 15	487	11	44	
57	Linh Tây	Linh Tây	Từ khu phố 3 đến khu phố 10.	269	6	45	
Tổng cộng				20737	515	40	